BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu in DSTN1

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: BS1

Kèm theo Biên bản số_____/ĐHCT-ĐT - Ký ngày_____

Học kỳ 1 - Năm học 2021-2022

Đơn vị: Khoa Công nghệ

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Kỹ thuật điện, điện tử (Hệ Đại học - Chính quy)											
Chuyên ngành: Kỹ thuật điện											
1	B1603691	Phạm Bình An	12/09/98	TN1661A2		2.71	159	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	Kỹ thuật điện	
2	B1603738	Trương Thanh Nhã	07/11/98	TN1661A2		2.90	155	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	Kỹ thuật điện	
3	B1603758	Đặng Hoàn Tú	02/03/98	TN1661A2		2.70	162	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	Kỹ thuật điện	
4	B1703073	Lê Đỗ Đăng Khoa	16/11/99	TN1761A1		2.61	157	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	Kỹ thuật điện	
5	B1703113	Phan Quốc Thắng	13/09/99	TN1761A3		2.63	155	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	Kỹ thuật điện	
6	B1703135	Tô Phi Yến	12/07/99	TN1761A1	N	2.98	159	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	Kỹ thuật điện	
7	B1703169	Nguyễn Đăng Khoa	16/10/98	TN1761A2		2.66	155	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	Kỹ thuật điện	
8	B1703229	Nguyễn Minh Vui	28/02/99	TN1761A2		2.82	157	Khá	Kỹ thuật điện, điện tử	Kỹ thuật điện	
Ngành học: Quản lý công nghiệp (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1704237	Nguyễn Đức Thịnh	24/09/99	TN1783A1		3.03	140	Khá	Quản lý công nghiệp		
2	B1704252	Võ Hoàng Vẹn	27/11/99	TN1783A1		2.27	140	Trung bình	Quản lý công nghiệp		
3	B1805112	Phạm Thị Thùy Đoan	14/04/00	TN1883A1	N	2.83	140	Khá	Quản lý công nghiệp		
Ngành học: Kỹ thuật cơ khí (Hệ Đại học - Chính quy)											
Chuyên ngành: Cơ khí chế tạo máy											
1	B1702793	Lê Văn Vĩ	17/03/99	TN1784A2		3.01	156	Khá	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế tạo máy	
Ngành học: Kỹ thuật cơ khí (Hệ Đại học - Chính quy)											
Chuyên ngành: Cơ khí giao thông											
1	B1702595	Phạm Ngọc Anh	24/05/99	TN1793A1		2.63	156	Khá	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí giao thông	
2	B1702724	Trần Hồng Hoàng Huy	06/11/99	TN1793A2		2.77	163	Khá	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí giao thông	
3	B1702837	Mai Ngọc Lễ	09/05/99	TN1793A1		2.85	155	Khá	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí giao thông	
Ngành học: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1610495	Bùi Nguyễn Trung Hiếu	13/02/98	TN16T1A1		2.27	156	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		
2	B1704877	Lê Minh Chưng	25/10/99	TN17T1A1		2.52	156	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		
3	B1704891	Bùi Minh Hiếu	11/09/99	TN17T1A1		3.27	156	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: BS1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
4	B1704893	Lưu Trọng Hiếu	12/11/99	TN17T1A1		2.81	160	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		
5	B1704934	Tạ Phương Tính	10/04/96	TN17T1A1		2.88	156	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		
Ngành học: Kỹ thuật công trình xây dựng (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1705000	Nguyễn Tuấn Kiệt	24/01/99	TN17T2A3		2.76	155	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng		
2	B1705051	Ngô Chí Thức	11/11/99	TN17T2A3		2.85	157	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng		
3	B1705078	Nguyễn Hữu Cảnh	22/07/99	TN17T2A4		3.23	155	Giỏi	Kỹ thuật công trình xây dựng		
4	B1705088	Văn Tân Dương	27/04/99	TN17T2A4		2.77	155	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng		
5	B1705104	Trần Công Hậu	20/10/99	TN17T2A4		2.62	155	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng		
Ngành học: Kỹ thuật vật liệu (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1705367	Lê Thị Hồng Thắm	14/09/99	TN17T4A1	N	2.85	155	Khá	Kỹ thuật vật liệu		
Ngành học: Kỹ thuật công trình thủy (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1705818	Nguyễn Quốc Bằng	17/10/99	TN17U9A1		2.50	155	Khá	Kỹ thuật công trình thủy		
Ngành học: Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao) (Hệ Đại học - Chính quy (chương trình chất lượng cao))											
1	B1700072	Nguyễn Hồng Ngọc	18/05/99	TN17V6F1	N	3.33	177	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)		
Ngành học: Kỹ thuật điện tử, truyền thông (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1609084	Tạ Thị Ngọc Anh	11/02/98	TN16Y5A1	N	2.56	155	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông		
2	B1609102	Lê Huỳnh Hoàng Khang	19/05/98	TN16Y5A1		2.43	156	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, truyền thông		
3	B1609129	Trương Phước Thật	03/03/98	TN16Y5A1		2.97	155	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông		
4	B1708972	Trần Văn Sang	06/03/99	TN17Y5A2		2.42	157	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, truyền thông		
Ngành học: Kỹ thuật cơ - điện tử (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1708994	Nguyễn Quốc Ân	01/01/98	TN17Y6A1		2.77	155	Khá	Kỹ thuật cơ - điện tử		
2	B1709023	Lê Phú Công Luận	28/05/99	TN17Y6A1		3.07	155	Khá	Kỹ thuật cơ - điện tử		
3	B1709038	Đỗ Ngọc Sơn	19/04/99	TN17Y6A1		3.07	164	Khá	Kỹ thuật cơ - điện tử		
4	B1709056	Đoàn Hoàng Trung	04/07/99	TN17Y6A1		2.74	156	Khá	Kỹ thuật cơ - điện tử		
5	B1709078	Trần Công Huy	01/04/99	TN17Y6A2		2.71	155	Khá	Kỹ thuật cơ - điện tử		
6	B1709081	Bùi Tuấn Khanh	18/06/99	TN17Y6A2		3.02	160	Khá	Kỹ thuật cơ - điện tử		
Ngành học: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1609474	Phan Hữu Nhân	15/12/98	TN16Y8A2		2.32	155	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
2	B1709182	Nguyễn Quốc Thắng	17/03/99	TN17Y8A1		3.50	159	Giỏi	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
3	B1709198	Lý Công Chánh	20/02/99	TN17Y8A2		2.50	155	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
4	B1709215	Nguyễn Trọng Khang	10/07/99	TN17Y8A2		3.12	155	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
5	B1709259	Võ Thanh Tùng	12/09/99	TN17Y8A2		2.25	155	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
6	B1709262	Trần Tuấn Vũ	01/01/99	TN17Y8A2		2.89	155	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
Ngành học: Kỹ thuật máy tính (Hệ Đại học - Chính quy)											

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: BS1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
1	B1709418	Nguyễn Phước Lộc	02/12/99	TN17Z5A1		2.14	157	Trung bình	Kỹ thuật máy tính		
2	B1709436	Trần Văn Quí	18/04/99	TN17Z5A1		2.60	159	Khá	Kỹ thuật máy tính		

Tổng số danh sách: **46** sinh viên

Ngày 17 tháng 03 năm 2022

Phó Trưởng Khoa Công nghệ | **Trưởng phòng công tác sinh viên** | **Trưởng phòng đào tạo**